

Tuyển Trạch Bản Nguyên Niệm Phật Tập

法然上人 選擇本願念佛集

Pháp Nhiên Thượng Nhân
Thích Tịnh Nghiêm dịch Hán Việt

Mục Lục

Chương Một: Hai Môn
Chương Hai: Hai Hạnh
Chương Ba: Bản Nguyên
Chương Bốn: Ba Hạng Người
Chương Năm: Lợi Ích
Chương Sáu: Đặc Lưu
Chương Bảy: Nhiếp Thủ
Chương Tám: Ba Tâm
Chương Chín: Tứ Tu
Chương Mười: Hóa Phật Tán Thán
Chương Mười Một: Tán Thán Niệm Phật
Chương Mười Hai: Phó Chúc Niệm Phật
Chương Mười Ba: Nhiều Thiện Căn
Chương Mười Bốn: Chư Phật Chứng Thành
Chương Mười Lăm: Hộ Niệm
Chương Mười Sáu: Ân Cần Phó Chúc

Phần 1

Nam mô A Di Đà Phật Niệm Phật là căn bản của sự vãng sinh

Chương Một

Hai Môn

Ngài Đạo Xước thiên sư thiết lập hai môn Thánh Đạo và Tịnh Độ, sau đó đã xả bỏ Thánh Đạo Môn mà quay về Tịnh Độ Môn.

An Lạc Tập quyền thượng nói: “Hỏi: Tất cả chúng sinh đều có Phật tính, từ xưa đến nay, ắt đã gặp nhiều Đức Phật, thế nhưng tại sao vẫn luân hồi sinh tử, chưa được ra khỏi nhà lửa? Trả lời: Ý vào thánh giáo Đại thừa mà nói, lý do là vì chúng sinh không được hai pháp thù thắng để diệt trừ sinh tử, cho nên không thể ra khỏi nhà lửa. Hai pháp này là gì? Một là Thánh đạo, hai là Vãng sinh Tịnh độ. Pháp tu Thánh đạo, hiện nay rất khó chứng đắc, điều này có hai lý do, một là vì thời đại đã cách Phật rất lâu xa, hai là do nghĩa lý Đại thừa sâu xa khó hiểu. Đại Tập Nhật

Tạng Kinh có nói: “Trong thời mạt pháp, có ức ức chúng sinh phát tâm tu hành, nhưng có rất ít người đắc đạo.”

Đời mạt pháp hiện nay là đời ác ngũ trược, chỉ có pháp môn Tịnh Độ là con đường dễ vào đạo. Bởi thế, Vô Lượng Thọ Kinh nói: “Nếu có chúng sinh, dù là cả đời tạo ác, giả sử lúc lâm chung, niệm danh hiệu của ta mười lần liên tiếp, nếu như không được vãng sinh, ta thệ không giữ ngôi Chánh Giác.”

Lại nữa, tất cả chúng sinh đều không tự lượng sức mình, nếu luận về chân như thực tướng, đệ nhất nghĩa không của Đại thừa, bọn họ đều chưa từng để tâm đến, còn nếu luận về sự tu tập kiến đế tu đạo, nhấn đến chứng quả A na hàm, A la hán, đoạn trừ năm phiền não lợi sử, năm phiền não độn sử, thì tất cả người đạo, kể tục đều không có phần. Giả sử có được quả báo trời người, đều là do sự hành trì ngũ giới thập thiện chiêu cảm, thế nhưng ít có người trì giới đến chỗ viên mãn; còn nếu luận về sự làm ác tạo nghiệp, thì thế lực chẳng khác gì mưa to gió lớn. Bởi lý do này, chư Phật đều đại từ đại bi, khuyến nhắc chúng sinh vãng sinh Tịnh Độ. Cho dù cả đời tạo ác, chỉ cần buộc tâm chuyên cần tinh tấn, thường thường Niệm Phật, thì tất cả chướng ngại, tự nhiên sẽ được tiêu trừ, quyết định sẽ được vãng sinh. Tại sao tất cả không chịu suy ngẫm, mà phát tâm cầu vãng sinh!

Lời bàn: Phép lập giáo nhiều ít, lập trường của các tông phái không giống nhau, ví như Hữu Tướng Tông thiết lập ba thời giáo là hữu tông, không tông và trung đạo tông để phán định thánh giáo của Đức Thế Tôn; Vô Tướng Tông thiết lập hai thời giáo là Bồ tát giáo và Thanh văn giáo để phán định; Hoa Nghiêm Tông thiết lập năm thời giáo: tiểu thừa giáo, đại thừa thí giáo, chung giáo, đốn giáo và viên giáo, để thống nhiếp tất cả Phật giáo; Pháp Hoa Tông thiết lập bốn thời giáo: tạng giáo, thông giáo, biệt giáo, viên giáo, và năm mùi vị: nhũ, lạc, sinh tô, thực tô và đề hồ, để thống nhiếp tất cả Phật giáo; lại còn có Chân Ngôn Tông cũng thiết lập hai thời giáo, hiển giáo và mật giáo, để thống nhiếp tất cả Phật giáo. Hiện nay, Tịnh Độ Tông, nếu y theo bản ý của Đạo Xước Thiên Sư, sẽ thiết lập hai môn: Thánh Đạo Môn và Tịnh Độ Môn, để thống nhiếp tất cả.

Hỏi: Việc thiết lập tên gọi của các tông phái, vốn là do tám tông, chín tông như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, v.v..., phán định, chưa từng nghe qua các nhà tu Tịnh độ thiết lập tên gọi của chính tông phái mình. Việc đặt tên gọi này có chứng cứ gì không?

Trả lời: Tên gọi Tịnh Độ Tông, chứng cứ không phải ít, như ngài Nguyên Hiểu trong Du Tâm An Lạc Đạo nói: “Bản ý của Tịnh Độ Tông là vốn vì phàm phu, kiêm vì thánh nhân”, lại như ngài Từ Ân trong Tây Phương Yếu Quyết nói: “Y vào tông này”, hơn nữa, ngài Ca Tài trong Tịnh Độ Luận cũng nói: “Tông này, theo ý của tôi, là con đường trọng yếu”. Những chứng cứ như vậy, thật không còn nghi ngờ gì nữa. Thế nhưng, ý chính ở đây, không phải là bàn luận về sự phán lập giáo nghĩa của các tông phái, mà là muốn nói sơ lược về hai môn của Tịnh Độ Tông, tức là Thánh đạo môn và Tịnh độ môn.

A/ Thánh Đạo Môn: ở đây có hai phần, một là Tiểu thừa, hai là Đại thừa. Trong Đại thừa, tuy có Hiển, Mật, Quyền, Thực, khác nhau, thế nhưng bản ý của tập sách này chỉ là muốn hiển minh hạnh nguyện của Đại thừa và Quyền Đại thừa là ở trong sinh tử dài lâu để tu tập cứu độ chúng sinh. Nếu như y vào điều này mà suy ngẫm, phải nên bảo tồn Đại thừa Mật giáo và Đại thừa Hiển giáo. Nên biết rằng tám tông phái như Chân Ngôn, Phật Tâm (Thiền), Thiên Thai, Hoa Nghiêm, Tam Luận, Pháp Tướng, Địa Luận, Nhiếp Luận đều có chung quan điểm này. Còn trong Tiểu Thừa, tất cả các kinh luật luận của họ đều nói về con đường tu tập để đoạn trừ phiền não, thấu rõ chân lý, chứng đắc thánh quả. Y cứ vào đây, giáo lý Tiểu Thừa chỉ bao hàm các tông phái như Luật Tông, Câu Xá và Thành Thực. Nói một cách khái quát, bản ý của Thánh Đạo Môn, bất luận là Đại thừa hay Tiểu thừa, đều là ở trong thế giới Ta Bà này tu tập chứng đắc đạo quả của bốn Thừa. Bốn Thừa, nghĩa là ngoài ba Thừa, còn thêm Phật Thừa.

B/ Vãng Sinh Tịnh Độ Môn, trong đây có hai: (1) hiển minh chính thức giáo nghĩa Vãng Sinh Tịnh Độ, (2) hiển minh không chính thức giáo nghĩa Vãng Sinh Tịnh Độ.

1/ Hiển minh chính thức giáo nghĩa Vãng Sinh Tịnh Độ, gồm có ba bộ kinh và một bộ luận. Ba bộ kinh là Vô Lượng Thọ Kinh, Quán Vô Lượng Thọ Kinh, và A Di Đà Kinh, còn một bộ luận là Vãng Sinh Luận của ngài Thế Thân. Có người gọi ba bộ kinh này là “Ba bộ kinh Tịnh Độ”.

Hỏi: Gọi Ba bộ kinh, còn có trường hợp nào khác không?

Trả lời: Gọi Ba bộ kinh, có nhiều trường hợp: (a) Ba bộ kinh Pháp Hoa, tức là Vô Lượng Nghĩa Kinh, Pháp Hoa Kinh và Phổ Hiền Quán Kinh; (2) Ba bộ kinh Đại Nhật, tức là Đại Nhật Kinh, Kim Cang Đỉnh Kinh và Tô Tất Địa Kinh; (3) Ba bộ kinh trần thủ bảo hộ quốc gia, tức là Pháp Hoa Kinh, Nhân Vương Kinh và Kim Quang Minh Kinh; (4) Ba bộ kinh Di Lạc, tức là Di Lạc Thượng Sinh Kinh, Di Lạc Hạ Sinh Kinh và Di Lạc Đại Thành Phật Kinh. Hiện nay ba bộ kinh A Di Đà gọi là ba bộ kinh Tịnh Độ, tức là ba bộ kinh chính yếu của Tịnh Độ Tông.

2/ Hiện minh không chính thức giáo nghĩa Tịnh Độ: những bộ kinh như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Tùy Cầu (Phật Thuyết Tùy Cầu Túc Đắc Đại Tự Tại Đà La Ni Thần Chú Kinh), v.v..., đều có thuyết minh các công hạnh vãng sinh Tịnh Độ; lại còn có các bộ luận như Khởi Tín Luận, Bảo Tánh Luận, Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận, Nhiếp Đại Thừa Luận, v.v..., cũng đều thuyết minh các công hạnh vãng sinh Tịnh Độ.

Trong tập sách này, bản ý của sự thiết lập hai môn Thánh Đạo và Tịnh Độ là muốn khiến cho chúng sinh xả bỏ Thánh Đạo Môn, quy hướng Tịnh Độ Môn. Điều này có hai lý do: (1) do vì cách xa đời Phật, (2) do vì giáo lý thâm sâu khó hiểu. Trong Tịnh Độ Tông, thiết lập hai môn, không những chỉ có ngài Đạo Xước, mà các ngài như Đàm Loan, Thiên Thai, Ca Tài, Từ Ân, v.v..., cũng có cùng chung quan điểm. Hơn nữa, ngài Đàm Loan Pháp Sư, trong Vãng Sinh Luận Chú có nói:

“Nhu Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận của ngài Long Thọ nói: “Bồ tát cầu A bệ bạt trí, có hai con đường, một là Đường khó đi (Hán: nan hành đạo), hai là Đường dễ đi (Hán: dị hành đạo).”

Đường khó đi, nghĩa là ở trong đời ác năm trước, lúc không có Phật, cầu A bệ bạt trí là khó, sự khó khăn này có nhiều phương diện, một là pháp thiện của ngoại đạo làm loạn pháp tu của Bồ tát, hai là sự tự lợi của hàng Thanh văn làm chướng ngại tâm đại từ bi, ba là những kẻ ác vô có phá hoại thắng đức của người khác, bốn là quả báo thiện điền đảo, có thể phá hoại phạm hạnh, năm là chỉ có tự lực, không có tha lực hộ trì. Những việc như vậy, chỗ nào cũng có, ví như đường lộ, lội bộ ắt là khổ nhọc.

Đường dễ đi, nghĩa là chỉ cần nhờ nhân duyên Niệm Phật, nguyện sinh Tịnh Độ, nhờ nguyện lực của Phật, sẽ được vãng sinh cõi Phật thanh tịnh. Nhờ Phật lực gia trì, sẽ tiến nhập vào giai bậc chính định tụ, chính định tức là A bệ bạt trí, ví như đường thủy, đi thuyền ắt là vui sướng.”

Ở đây, Đường khó đi, tức là Thánh Đạo Môn, còn Đường dễ đi, tức là Tịnh Độ Môn. Khó đi Dễ đi, Thánh Đạo Tịnh Độ, tên gọi tuy khác, nhưng ý thú giống nhau. Nên biết, hai ngài Thiên Thai và Ca Tài cũng có cùng quan điểm. Lại nữa, Tây Phương Yếu Quyết nói:

“Nghĩ đến Đức Thích Ca khai sáng Phật giáo, hoàng dương lợi ích chúng sinh, tùy mỗi xứ mà xiển dương giáo nghĩa, tưới nước pháp mầu, làm cho chúng sinh được độ hóa, chúng ngộ ba Thừa, đối với những người ít phước mỏng duyên, thì khuyên họ vãng sinh Tịnh Độ. Người tu Tịnh Độ phải chuyên niệm A Di Đà, tất cả những thiện căn, đều phải hồi hướng về Tịnh Độ. Bản nguyện của Đức A Di Đà là thế độ tất cả chúng sinh cõi Ta Bà, từ người chuyên tâm tu tập cả đời, nhân đến người lúc lâm chung chỉ niệm mười danh hiệu, đều được quyết định vãng sinh Tịnh Độ.” Hơn nữa, bài bạt của cùng quyển sách trên nói: “Do vì sinh vào đời tượng pháp, cách xa đời Phật, nếu tu tập hạnh của ba Thừa, khó mà khế ngộ. Hai cõi trời người xao động bất an, chỉ có những bậc Bồ tát đại trí đại từ mới có thể ở lâu trong sinh tử. Nếu như kiến giải mê ám, công hạnh nông cạn, e rằng sẽ bị đọa lạc ba đường ác, bởi thế, phải nên lìa bỏ Ta Bà, cầu sinh Tịnh Độ.”

Ở đây nói ba Thừa, ý muốn chỉ Thánh Đạo Môn, còn nói Tịnh Độ, là muốn chỉ Tịnh Độ Môn. Ba Thừa Tịnh Độ, Thánh Đạo Tịnh Độ, tên gọi tuy khác, ý thú tương đồng. Các học giả Tịnh Độ, trước tiên phải nên biết ý chỉ này, giả sử trước đó tuy đã học Thánh Đạo Môn, nếu như có chí hướng cầu sinh Tịnh Độ, phải nên xả bỏ Thánh Đạo, cầu sinh Tịnh Độ; chẳng hạn, như ngài Đàm Loan Pháp Sư xả bỏ sự giảng thuyết bốn bộ luận (Trung Luận, Bách Luận, Thập Nhị Môn Luận và Đại Trí Độ Luận) mà chuyên tâm Tịnh Độ; lại như ngài Đạo Xước Thiên Sư gác bỏ việc giảng giải Kinh Niết Bàn mà chuyên tâm hoàng dương Tịnh Độ. Các bậc hiền triết khi xưa đã từng như thế, chẳng lẽ những người ngu độn thô thiển mà lại không chịu tuân hành!

Hỏi: Các tông phái Thánh Đạo Môn đều có sự truyền thừa từ đời này qua đời khác, chẳng hạn, Thiên Thai Tông, truyền thừa theo thứ tự, từ ngài Huệ Văn, đến các ngài Nam Nhạc, Thiên Thai, Chương An, Trí Uy, Tuệ Uy, Huyền Lăng, Tràm Nhiên; lại như Chân Ngôn Tông, truyền thừa theo thứ tự, từ Đức Đại Nhật Như Lai đến các ngài Kim Cang Tát Đòa, Long Thọ, Long Trí, Kim Trí, Bất Không. Các tông phái khác cũng có sự truyền thừa huyết mạch. Hiện nay Tịnh Độ Tông có sự truyền thừa như thế hay không?

Trả lời: Giống như huyết mạch của các nhà Thánh Đạo Môn, Tịnh Độ Tông cũng có huyết mạch, thế nhưng đối với sự truyền thừa của Tịnh Độ Tông, các nhà học giả cũng có những quan điểm không đồng, chẳng hạn như ngài Lô Sơn Tuệ Viễn Pháp Sư, ngài Từ Mẫn Tam Tạng, ngài Đạo Xước, Thiện Đạo, v.v... Nay y theo hai ngài Đạo Xước và Thiện Đạo mà luận về sự truyền thừa huyết mạch. Điều này có hai giả thuyết: (1) Bồ Đề Lưu Chi Tam Tạng, Tuệ Long Pháp Sư, Đạo Trường Pháp Sư, Đại Hải Thiên Sư, Pháp Thượng Pháp Sư (trích từ An Lạc Tập), (2) Bồ Đề Lưu Chi Tam Tạng, Đàm Loan Pháp Sư, Đạo Xước Thiên Sư, Thiện Đạo Thiên Sư, Hoài Cảm Pháp Sư, Thiếu Khang Pháp Sư (trích từ Cao Tăng Truyện đời Đường và đời Tống).

Chương Hai

Hai Hạnh

Thiện Đạo Hòa Thượng thiết lập hai hạnh chánh và tạp, mục đích là muốn hành giả xả bỏ tạp hạnh, quay về chánh hạnh.

Quán Kinh Sớ quyển bốn nói: Từ công hạnh mà thiết lập tín tâm, thế nhưng công hạnh có hai loại, một là chánh hạnh, hai là tạp hạnh.

Chánh hạnh, tức là chỉ y tựa vào các kinh Vãng sinh mà tu tập. Đây là thế nào? Một là nhất tâm chuyên tụng Quán Kinh, A Di Đà Kinh, Vô Lượng Thọ Kinh, v.v..., hai là nhất tâm chuyên chú suy ngẫm, quán sát, ức niệm sự trang nghiêm của chánh báo và y báo của cõi Cực Lạc, ba là nếu như lễ lạy, thì chỉ chuyên tâm lễ lạy Đức Phật A Di Đà, bốn là nếu như xưng danh, thì chỉ nên nhất tâm xưng tán danh hiệu của Đức Phật A Di Đà, năm là nếu như tán thán cúng dường, thì chỉ nên nhất tâm tán thán cúng dường Đức Phật A Di Đà. Đây gọi là chánh hạnh!

Lại nữa, trong phần chánh hạnh, lại có hai loại, một là nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Đức A Di Đà, đi đứng nằm ngồi, bất luận thời gian dài ngắn, niệm niệm không quên, đây gọi là nghiệp chánh định, thuận theo bốn nguyện của Đức A Di Đà. Còn nếu như lạy Phật, tụng kinh, v.v..., thì gọi là nghiệp phụ. Ngoại trừ hai hạnh chánh và phụ này ra, tất cả các hạnh lành khác đều gọi là tạp hạnh.

Nếu như tu tập hai nghiệp chánh, phụ, thì tâm thường thân cận Đức A Di Đà, nghĩ nhớ không gián đoạn, đây gọi là tâm không gián đoạn. Nếu như tu tập tạp hạnh, thì tâm sẽ thường gián đoạn, khó có thể hồi hướng vãng sinh, đây gọi là hạnh tạp nhạp, xa cách.

Lời bàn: Đoạn văn này có hai ý, một là thuyết minh hành tướng của sự vãng sinh, hai là phán định sự được, mất của hai hạnh chánh và phụ.

(A) Thuyết minh hành tướng của sự vãng sinh: Theo ý của Hòa thượng Thiện Đạo, công hạnh vãng sinh tuy nhiều, có thể chia làm hai loại, (1) chánh hạnh, và (2) tạp hạnh.

(1) Chánh hạnh. Ở đây có hai nghĩa khai và hợp. Trước tiên, khai làm năm loại, sau đó hợp thành hai loại.

i/ Khai làm năm loại, tức là (a) chánh hạnh đọc tụng, (b) chánh hạnh quán sát, (c) chánh hạnh lễ bái, (d) chánh hạnh xưng danh, (e) chánh hạnh tán thán cúng dường.

a/ Chánh hạnh đọc tụng. Chỉ đọc tụng Quán Kinh, v.v..., tức là như văn đã nói: “Nhất tâm chuyên tụng Quán Kinh, A Di Đà Kinh, Vô Lượng Thọ Kinh, v.v...”.

b/ Chánh hạnh quán sát. Chuyên tâm quán sát y báo, chánh báo của cõi Cực Lạc, tức là như văn đã nói: “Nhất tâm chuyên chú suy ngẫm, quán sát, ức niệm sự trang nghiêm của chánh báo và y báo của cõi Cực Lạc”.

c/ Chánh hạnh lễ bái. Chỉ lễ lạy Đức A Di Đà, tức là như văn đã nói: “Nếu như lễ lạy, thì chỉ chuyên tâm lễ lạy Đức Phật A Di Đà”.

d/ Chánh hạnh xưng danh. Chuyên niệm danh hiệu Phật A Di Đà, tức là như văn đã nói: “Nếu như xưng danh, thì chỉ nên nhất tâm xưng tán danh hiệu của Đức Phật A Di Đà”.

e/ Chánh hạnh tán thán cúng dường. Chỉ tán thán, cúng dường Đức A Di Đà, tức là như văn đã nói: “Nếu tán thán, cúng dường, thì chỉ nên nhất tâm tán thán, cúng dường Đức Phật A Di Đà, đây gọi là chánh hạnh”.

Nếu chia “tán thán cúng dường” ra làm hai, thì sẽ có sáu loại chánh hạnh. Hiện nay hợp làm một, thành thử chỉ có năm loại.

ii/ Hợp làm hai loại, tức là (a) nghiệp chánh, (b) nghiệp phụ.

a/ Nghiệp chánh. Trong năm loại chánh hạnh trên, loại thứ tư “xưng danh” là nghiệp chánh định, như trong văn nói: “Nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Đức A Di Đà, đi đứng nằm ngồi, bất luận thời gian dài ngắn, niệm niệm không quên, đây gọi là nghiệp chánh định, thuận theo bốn nguyện của Đức A Di Đà”.

b/ Nghiệp phụ. Ngoại trừ xưng danh, các hạnh còn lại như đọc tụng, v.v..., đều là nghiệp phụ, như văn có nói: “Các hạnh như lạy Phật, tụng kinh, v.v..., đều gọi là nghiệp phụ.”

Hỏi: Tại sao trong năm loại, chỉ có xưng danh niệm Phật được coi là nghiệp chánh định?

Trả lời: Đây là thuận theo bốn nguyện của Đức Phật A Di Đà, ý muốn nói xưng danh chính là bốn nguyện của Đức Phật A Di Đà, cho nên người tu nương vào bốn nguyện của Đức Phật A Di Đà, ắt sẽ vãng sinh Cực Lạc. Ý nghĩa của bốn nguyện, phía dưới sẽ nói rõ.

(2) Tạp hạnh. Như văn nói: “Ngoại trừ hai hạnh chính và phụ này, tất cả hạnh lành khác, đều gọi là tạp hạnh”, ý muốn nói tạp hạnh nhiều vô lượng, không thể nói hết, thế nhưng ở đây nói đến năm loại chánh hạnh là để nêu lên năm loại tạp hạnh.

a/ Tạp hạnh đọc tụng. Ngoại trừ các kinh Tịnh Độ, như Quán Kinh, v.v..., nếu đọc tụng thọ trì các loại kinh Đại, Tiểu thừa, hoặc Hiền, hoặc Mật, đều gọi là tạp hạnh đọc tụng.

b/ Tạp hạnh quán sát. Ngoại trừ y báo, chánh báo của cõi Cực Lạc, tất cả những quán hạnh, hoặc sự hoặc lý, hoặc Đại thừa, hoặc Tiểu thừa, hoặc Hiền, hoặc Mật, đều gọi là tạp hạnh quán sát.

c/ Tạp hạnh lễ bái. Ngoại trừ lễ bái Đức A Di Đà, lễ bái cung kính chư Phật Bồ tát khác, hẳn đến các vị trời thế gian, đều gọi là tạp hạnh lễ bái.

d/ Tạp hạnh xưng danh. Ngoại trừ xưng danh Đức A Di Đà, xưng danh chư Phật Bồ tát khác, hẳn đến danh hiệu của các vị trời thế gian, đều gọi là tạp hạnh xưng danh.

e/ Tạp hạnh tán thán cúng dường. Ngoại trừ tán thán cúng dường Đức A Di Đà, tán thán cúng dường chư Phật Bồ tát khác, hẳn đến các vị trời thế gian, đều gọi là tạp hạnh tán thán cúng dường.

(B) Phán định sự được, mất của hai hạnh:

“Nếu như tu tập hai hạnh chánh và phụ, tâm thường gần gũi Đức A Di Đà, nhớ tưởng không nguôi, đây gọi là hạnh không gián đoạn. Nếu như tu tạp hạnh, tuy cũng có thể hồi hướng vãng sinh, thế nhưng tâm thường gián đoạn, đây gọi là hạnh xa lạ tạp hạnh (Hán: sơ tạp)”.

Theo ý của đoạn văn vừa nói, đối với hai hạnh chánh tạp này, có năm cặp đối: (1) thân sơ, (2) gần xa, (3) gián đoạn không gián đoạn, (4) hồi hướng không hồi hướng, (5) thuần tạp.

(1) Thân, sơ. Trước tiên, thân (thân thiết), nghĩa là hành giả tu tập hai hạnh chánh và phụ, sẽ rất thân thiết với Đức Phật A Di Đà, cho nên Quán Kinh Sớ nói: “Chúng sinh khởi tâm tu hành, miệng thường niệm Phật, Phật ắt nghe thấy, thân thường lay Phật, Phật ắt nhìn thấy, tâm thường nghĩ Phật, Phật ắt biết rõ. Chúng sinh nghĩ Phật, nhớ Phật, Phật cũng nghĩ chúng sinh, nhớ chúng sinh. Ba nghiệp của đôi bên, không xa cách nhau.” Bởi thế, nên gọi là thân thiết. Kế đến, sơ (xa lạ), nghĩa là tạp hạnh. Chúng sinh không niệm Phật, Phật không nghe thấy, thân không lay Phật, Phật không nhìn thấy, tâm không nghĩ Phật, Phật không hay biết. Chúng sinh không nghĩ Phật, nhớ Phật, Phật cũng không nghĩ chúng sinh, nhớ chúng sinh. Ba nghiệp của đôi bên, thường cách biệt nhau, bởi thế nên gọi là xa lạ.

(2) Gần, xa (Hán: viễn cận). Trước tiên, gần, tức là tu tập hai hạnh chánh và phụ, thì sẽ gần gũi Đức Phật A Di Đà, Quán Kinh Sớ nói: “Chúng sinh nguyện thấy Phật, Phật liền đáp ứng, hiện ra trước mặt”, cho nên gọi là gần. Kế đến, xa, tức là tu tập tạp hạnh. Chúng sinh không nguyện thấy Phật, Phật sẽ không đáp ứng, không hiện ra trước mặt, cho nên gọi là xa.

Ý nghĩa của thân và gần, tuy có vẻ giống nhau, thế nhưng, theo ý của ngài Thiện Đạo là chia làm hai trường hợp khác nhau. Ý chỉ này được nói rõ trong Quán Kinh Sớ, bởi thế, ở đây dẫn ra để giải thích.

(3) Gián đoạn, không gián đoạn. Trước tiên, không gián đoạn, nghĩa là tu tập hai hạnh chánh và phụ, thì sẽ nghĩ nhớ Đức Phật A Di Đà không gián đoạn, cho nên gọi là “tâm không gián đoạn”. Kế đến, gián đoạn, nghĩa là tu tập tạp hạnh, thì thường ít nghĩ nhớ đến Đức Phật A Di Đà, cho nên gọi là “tâm thường gián đoạn”.

(4) Hồi hướng, không hồi hướng. Không hồi hướng, nghĩa là nếu tu tập hai hạnh chánh và phụ, thì không cần phải hồi hướng riêng biệt, mà tự nhiên trở thành nghiệp vãng sinh, cho nên Quán Kinh Sớ nói: Trong Quán Kinh, niệm danh hiệu Phật mười lần, tức là có đủ mười nguyện, mười hạnh. Niệm “A Di Đà Phật” tức là hạnh, do ý nghĩa này “ắt sẽ được vãng sinh”. Kế đến, hồi hướng, nghĩa là nếu tu tập tạp hạnh, cần phải hồi hướng thì mới thành nghiệp vãng sinh, nếu như không hồi hướng, thì sẽ không trở thành nhân duyên cho sự vãng sinh, cho nên nói: “Tuy có thể hồi hướng vãng sinh”.

(5) Thuần, tạp. Trước tiên, thuần, nghĩa là tu tập hai hạnh chánh và phụ là hạnh đơn thuần để vãng sinh Cực Lạc, còn tu tạp hạnh, tức không phải là hạnh đơn thuần để vãng sinh Cực Lạc, mà là hạnh chung cho pháp trời người, pháp của ba Thừa, và hạnh vãng sinh các cõi Tịnh Độ ở mười phương, cho nên gọi là tạp. Bởi lý do này, các hành giả Tây phương Tịnh Độ, cần phải bỏ tạp hạnh mà tu chánh hạnh.

Hỏi: Ý nghĩa “thuần tạp” này, trong các kinh điển khác, có chứng cứ hay không?

Trả lời: Trong kinh luận của Đại, Tiểu thừa, thiết lập hai môn thuần, tạp, trường hợp này không phải chỉ có một. Trong tám tạng của Đại thừa, có một tạng gọi là tạp tạng, như vậy bảy tạng kia là thuần, còn tạp tạng là tạp. Trong Luật tạng, hai mươi điều độ là để biểu minh giới hạnh, mười chín điều độ đầu là thuần, còn điều độ cuối là tạp. Lại như hai bộ Cao Tăng Truyện của hai đời Đường và Tống đều lập mười khoa pháp, nói rõ đức hạnh của các vị cao tăng, chín khoa đầu là thuần, còn khoa cuối là tạp. Nhấn đến, quyển Đại Thừa Nghĩa Chương, có năm tụ pháp môn, bốn tụ đầu là thuần, còn tụ cuối là tạp. Không những chỉ có Hiền giáo, trong Mật giáo cũng có pháp thuần và tạp, chẳng hạn như Phật Pháp Huyết Mạch Phổ của Sơn Gia Phái nói: “Thứ nhất, một bức Thai Tạng Giới Mạn Đà La Huyết Mạch Phổ, thứ hai, một bức Kim Cang Giới Mạn Đà La Huyết Mạch Phổ, thứ ba, một bức Tạp Mạn Đà La Huyết Mạch Phổ, hai bức đầu là thuần, bức cuối là tạp”.

Chúng có về thuần tạp tuy nhiều, ở đây chỉ đề cập một ít mà thôi. Nên biết ý nghĩa của thuần tạp, tùy thuộc vào pháp, không có ý nghĩa nhất định. Ở đây chúng ta dựa vào ý của Hòa thượng Thiện Đạo, trên phương diện hành trì Tịnh Độ, mà bàn luận vấn đề thuần tạp. Hơn nữa, tên gọi “thuần, tạp” này, không hạn cục trong nội điển, hoặc ngoại điển, mà có rất nhiều lệ chứng, vì sợ phiền toái, cho nên không bàn đến. Thế nhưng, bàn đến công hạnh Tịnh Độ, có thể chia làm hai hạnh, điều này không chỉ có ngài Thiện Đạo, mà cả ngài Đạo Xước cũng có cùng quan điểm, tức là công hạnh vãng sinh tuy nhiều, gom lại còn có hai: một là “niệm Phật vãng sinh”, hai là “vạn hạnh vãng sinh”, còn nếu theo ý của ngài Hoài Cảm Thiền Sư, công hạnh vãng sinh tuy nhiều, gom lại cũng chỉ có hai: một là “niệm Phật vãng sinh”,

hai là “chư hạnh vãng sinh”. Như vậy, ba ngài đều lập hai hạnh để bao quát công hạnh vãng sinh, điều này chứng tỏ các ngài đã thấu rõ ý chỉ thâm diệu của sự vãng sinh, còn các nhà chú giải khác thì không hẳn như vậy. Những hành giả Tịnh Độ phải nên suy ngẫm chính chắn điều này!

Vãng Sinh Lễ Tán nói: “Nếu như có thể hành trì như trên, niệm niệm tương tục, trọn hết một đời, thì chắc chắn mười người tu, mười người vãng sinh, trăm người tu, trăm người vãng sinh. Vì sao? Vì không có tạp duyên nào khác nên đắc được chánh niệm, vì tương ưng với bốn nguyện của Phật, vì không đi ngược với giáo lý, và vì tùy thuận lời dạy của Phật.

Nếu như xả bỏ sự chuyên tâm mà tu tạp nghiệp, thì trăm người tu, chỉ có được một hai người vãng sinh, ngàn người tu, chỉ có năm ba người vãng sinh. Vì sao? Vì tạp duyên loạn động làm mất chánh niệm, vì không tương ưng với bốn nguyện của Phật, vì đi ngược với giáo lý, vì làm trái với lời dạy của Phật, vì hệ niệm không tương tục, vì sự tưởng nghĩ đến Phật thường gián đoạn, vì sự hồi hướng không ân cần, chân thực, vì các phiền não tham, sân thường đến làm gián đoạn chánh niệm, vì không có tâm hổ thẹn sám hối, vì không tương tục nghĩ nhớ đến việc báo ơn Phật, vì sinh khởi tâm khinh mạn, tuy cũng tu tập, nhưng lại chạy theo danh lợi, vì hay phân biệt nhân ngã, không chịu thân cận những bậc đồng tu thiện tri thức, và vì thích gần gũi những tạp duyên, làm chướng ngại chánh hạnh vãng sinh của chính mình và người khác.

Gần đây, tôi tự mình nghe rằng người tăng kẻ tục ở khắp mọi nơi, kiến giải, công hạnh không đồng nhau, chuyên tu, tạp tu cũng không giống nhau, thế nhưng, những người chuyên ý tu tập, thì mười người vãng sinh cả mười, còn những người tu tạp hạnh, tâm ý không chuyên nhất, thì trong ngàn người tu, không có đến một người vãng sinh!

Hai hạnh được, mắt này, như phân trên vừa nói rõ, ngưỡng mong các vị tu hạnh vãng sinh, cần phải khéo léo suy ngẫm. Nếu như trong đời này, đã có thể phát nguyện vãng sinh Cực Lạc, thì trong tất cả mọi lúc, đi đứng nằm ngồi, đều nên tự khuyến tấn mình, ngày đêm không bỏ phế, trọn suốt một đời hành trì chánh hạnh. Trong cuộc đời này, dường như phải chịu chút khổ, thế nhưng, giây phút trước vừa mệnh chung, giây phút sau ắt vãng sinh Cực Lạc, từ đó thọ mệnh vô cùng, vĩnh viễn hưởng thọ sự vui sướng, nhân đến khi thành Phật, không còn phải chịu sự khổ sinh tử, đây không phải là điều vui thú hay sao?

Lời bàn: Đã đọc được đoạn văn trên, càng phải nên “xả tạp hạnh mà chuyên tu chánh hạnh”, lẽ nào lại bỏ chánh hạnh “trăm người tu trăm người vãng sinh”, mà lại tu tạp hạnh “ngàn người tu không có được một người vãng sinh” hay sao? Hành giả phải nên suy ngẫm chính chắn điều này!

Chương Ba

Bốn Nguyện

Đức A Di Đà Như Lai không dùng các hạnh khác làm bốn nguyện vãng sinh, mà chỉ dùng Niệm Phật làm bốn nguyện vãng sinh!

Vô Lượng Thọ Kinh quyền thượng nói: “Giả sử tôi thành Phật, nếu như mười phương chúng sinh, chí tâm tin ưa, muốn sinh cõi nước tôi, nhân đến mười niệm mà không được vãng sinh, thì tôi sẽ không giữ ngôi Chánh Giác”.

Quán Niệm Pháp Môn dẫn đoạn kinh văn trên như sau: “Nếu tôi thành Phật, mười phương chúng sinh, nguyện sinh cõi nước tôi, xưng danh hiệu tôi, ít nhất là mười niệm, nhờ nguyện lực của tôi, nếu như không vãng sinh, tôi sẽ không giữ ngôi Chánh Giác”.

Vãng Sinh Lễ Tán cũng dẫn đoạn kinh văn trên như sau: “Nếu tôi thành Phật, mười phương chúng sinh, xưng danh hiệu tôi, ít nhất là mười niệm, nếu như không vãng sinh, tôi sẽ không giữ ngôi Chánh Giác”.

Đức Phật ấy, hiện nay đã thành Phật, ắt là lời thệ nguyện sâu nặng ấy, chân thực không hư dối; chúng sinh xưng niệm danh hiệu Ngài, ắt được vãng sinh.

Lời bàn: Tất cả chư Phật, mỗi vị đều có hai loại nguyện là tổng nguyện và biệt nguyện. Tổng nguyện là bốn hồng thệ nguyện, còn biệt nguyện, chẳng hạn như Đức Thích Ca có năm trăm nguyện, Đức Dược Sư có mười hai nguyện, v.v... Hiện nay, bốn mươi tám nguyện, tức là biệt nguyện của Đức A Di Đà.

Hỏi: Đức A Di Đà Như Lai, vào thời nào, ở nơi Đức Phật nào, phát những biệt nguyện này?

- Vô Lượng Thọ Kinh nói: Đức Phật nói với ngài A Nan: “Trong đời quá khứ xa xôi vô lượng không thể nghĩ bàn kiếp về trước, có Đức Phật Định Quang Như Lai, giáo hóa, độ thoát vô lượng chúng sinh, đều làm cho họ đắc đạo, sau đó mới diệt độ. Kế đến, có Đức Như Lai, hiệu là Quang Viễn, nhân đến có Đức Như Lai, hiệu là Xử Thế, những vị Phật này (tổng cộng có năm mươi ba vị) đều đã diệt độ. Kế đến, có Đức Phật Thế Tự Tại Vương Như Lai, lúc đó có một vị vua, nghe Đức Phật ấy thuyết pháp, lòng rất vui mừng, phát tâm A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, bỏ nước thoái ngôi, tu hạnh sa môn, hiệu là Pháp Tạng, cao tài dũng triết, siêu dị hơn đời, đi đến chỗ Đức Phật Thế Tự Tại Vương Như Lai, Đức Phật Thế Tự Tại Vương bèn vì Pháp Tạng giảng rộng về sự thiện ác cõi trời người, cùng sự thô diệu của hai trăm mười ức cõi Phật, ứng theo tâm nguyện đều hiện cho thấy. Lúc ấy, Tỳ kheo Pháp Tạng, nghe lời Phật dạy, đều thấy rõ sự nghiêm tịnh của các cõi Phật, khái phát hạnh nguyện thù thắng vô thượng, tâm ý tịch tĩnh, chí hướng quảng đại, tất cả thế gian không ai sánh kịp, tư duy tu tập công hạnh trang nghiêm cõi Phật.” Ngài A Nan bạch Phật: “Cõi Đức Phật ấy, thọ mạng bao lâu?” Phật nói: “Đức Phật ấy thọ mạng bốn mươi hai kiếp. Lúc ấy Tỳ kheo Pháp Tạng tu tập công hạnh thanh tịnh của tất cả hai trăm mười ức cõi Phật.”

Lại như, Đại A Di Đà Kinh nói: “Đức Phật ấy tuyên chọn sự thiện ác của cõi trời người, cùng sự đẹp xấu của hai trăm mười ức cõi Phật. Sau khi Đức Phật Lô Lô Di Căng La (Hán dịch là Phật Thế Tự Tại Vương) nói pháp xong, ngài Đàm Ma La (Hán dịch là Pháp Tạng) nhất tâm chuyên chú, liền đắc thiên nhãn, tự mình thấy rõ sự thiện ác của cõi trời người, cùng sự đẹp xấu của tất cả hai trăm mười ức cõi Phật, ngài bèn chọn lựa theo ý nguyện của mình, kết thành hai mươi bốn lời nguyện (Bình Đăng Giác Kinh cũng nói tương tự).

Ở đây, tuyên chọn có nghĩa là trong hai trăm mười ức cõi Phật, xả bỏ cái ác, giữ lại cái thiện của cõi trời người. Ý nghĩa của sự tuyên chọn trong kinh Đại A Di Đà là như vậy, mà ý nghĩa của sự tuyên chọn trong kinh Vô Lượng Thọ cũng giống như vậy. Đây gọi là công hạnh thanh tịnh nhiếp thủ hai trăm mười ức cõi Phật vi diệu. Tuyên chọn và nhiếp thủ, tên gọi tuy khác, nhưng ý nghĩa thì giống nhau. Như vậy, xả hạnh không thanh tịnh, giữ hạnh thanh tịnh. Những ý nghĩa về sự thiện ác của cõi trời người, về sự đẹp xấu của cõi nước đã đề cập ở phần trên, cũng tương tự như vậy.

Bây giờ chúng ta sẽ thảo luận về sự tuyên chọn, thủ xả của từng lời nguyện trong bốn mươi tám nguyện.

Nguyện thứ nhất, không có ba đường ác: tức là hai trăm mười ức cõi Phật mà ngài Pháp Tạng đã nhìn thấy, hoặc có những cõi có ba đường ác, hoặc có những cõi không có ba đường ác, ngài bèn xả bỏ những cõi có ba đường ác, mà chọn lấy những cõi không có ba đường ác, nên gọi là tuyên chọn.

Nguyện thứ hai, không còn đọa vào ba đường ác: trong những cõi Phật nêu trên, hoặc có cõi tuy không có ba đường ác, nhưng những hàng trời người ở cõi đó, sau khi mạng chung, tái sinh vào các ác đạo ở những cõi khác, hoặc có những cõi Phật, hàng trời, người không còn tái sinh vào ba đường ác, thì đối với những cõi Phật này, xả bỏ những cõi thô ác mà chọn những cõi thiện diệu, nên gọi là tuyên chọn.

Nguyện thứ ba, tất cả đều có thân kim sắc: hoặc có những cõi Phật, hàng trời người, có kẻ có thân hoàng kim, có kẻ có thân bạch kim, hoặc có những cõi Phật, hàng trời người đều có thân hoàng kim, thì xả bỏ những cõi Phật thô ác, hàng trời người có thân sắc khác nhau, mà chọn lấy cõi Phật thiện diệu, hàng trời người có thuần thân kim sắc, nên gọi là tuyên chọn.

Nguyện thứ tư, không có sự đẹp xấu khác nhau: trong các cõi Phật nói trên, hoặc có cõi Phật hình sắc của hàng trời người đẹp xấu khác nhau, hoặc có cõi Phật hình sắc của hàng trời người không có sự đẹp xấu khác nhau, thì xả bỏ những cõi Phật thô ác, trong đó hàng trời người có sự đẹp xấu khác nhau,

mà chọn lấy những cõi Phật thiện diêu, trong đó hàng trời người không có sự đẹp xấu khác nhau, nên gọi là tuyên chọn.

Nhấn đến nguyện thứ mười tám, niệm Phật vãng sinh: trong các cõi Phật nói trên, hoặc có cõi Phật lấy bố thí làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc lấy trì giới làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc lấy nhẫn nhục làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc lấy tinh tiến làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc lấy thiền định làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc lấy bát nhã làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc lấy bồ đề tâm làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc lấy lục niệm làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc lấy tụng kinh làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc lấy trì chú làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc lấy sự xây cất chùa tháp, cúng dường sa môn, hoặc lấy sự hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, v.v..., làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc có cõi Phật lấy sự “chuyên tâm xưng niệm danh hiệu Đức Phật của cõi đó” làm công hạnh chính cho sự vãng sinh. Như vậy, lấy một hạnh phối hợp một cõi Phật, đây là ý nghĩa “một hạnh”; lại nữa, nếu tiếp tục thảo luận về vấn đề này, ý nghĩa công hạnh của sự vãng sinh sẽ không nhất định, hoặc có một cõi Phật lấy nhiều công hạnh khác nhau làm công hạnh chính cho sự vãng sinh, hoặc có nhiều cõi Phật, dùng một công hạnh chung nào đó làm công hạnh chính cho sự vãng sinh về các cõi đó. Như vậy, công hạnh vãng sinh có nhiều loại khác nhau, không thể nói hết. Hiện nay, chúng ta lược bớt những công hạnh khác như bố thí, trì giới, nhẫn đến hiếu dưỡng cha mẹ, mà chỉ giữ lại công hạnh “chuyên xưng danh hiệu”, nên gọi là tuyên chọn.

Phần trên đề ra năm nguyện để thảo luận sơ lược về ý nghĩa của sự lựa chọn, còn những nguyện khác, ý nghĩa cũng tương tự như vậy.

Hỏi: Nói chung về các nguyện, xả bỏ sự thô ác, chọn lựa sự thiện diêu, đây là lý đương nhiên. Vì sao trong nguyện thứ mười tám, xả bỏ tất cả các hạnh khác, chỉ giữ lại một hạnh “niệm Phật” làm bốn nguyện vãng sinh?

Trả lời: Ý Thánh khó dò, khó mà giải thích, thế nhưng hiện nay dùng hai ý nghĩa để thử giải thích, một là “thắng liệt”, hai là “khó dễ”.

Trước tiên, thắng liệt. Niệm Phật là thắng, các công hạnh khác là liệt. Vì sao? Danh hiệu là chỗ quy tụ của muôn vạn công đức, ví như Đức Phật A Di Đà đầy đủ tất cả công đức bên trong, như bốn trí, ba thân, mười lực, bốn vô sở úy, v.v..., và đồng thời cũng đầy đủ các công đức bên ngoài, như tướng hảo, quang minh, thuyết pháp, lợi sanh, v.v..., tất cả công đức này được bao quát trong danh hiệu A Di Đà Phật, cho nên công đức của danh hiệu là thù thắng, còn các công hạnh khác thì không như thế, mỗi công hạnh chỉ có một phần công đức, cho nên gọi là hạ liệt. Ví như trên thế gian, tên gọi “nhà” là chỉ chung cho tất cả vật dụng như xà nhà, cột nhà, kèo nhà, mái nhà, v.v..., còn những tên gọi: xà, cột, kèo, mái, v.v..., không thể gọi chung cho tất cả những vật dụng trong nhà. Do vì công đức của danh hiệu Phật vượt hơn tất cả công đức khác, cho nên “bỏ liệt lấy thắng”, nghĩa là lấy “chuyên xưng danh hiệu Phật” là bốn nguyện cho sự vãng sinh.

Kế đến, khó dễ. Niệm Phật dễ tu tập, còn các công hạnh khác khó tu tập, bởi thế Vãng Sinh Lễ Tán nói: “Hỏi: Tại sao không dạy tu quán mà chỉ dạy chuyên xưng danh hiệu, đây là có ý gì? Trả lời: Đây là vì nghiệp chướng của chúng sinh quá sâu nặng, quán cảnh vi tế, mà tâm quán lại thô thiển, vọng tưởng phù động, cho nên tu quán khó mà thành tựu. Bởi thế Đức Như Lai thương xót, chỉ khuyên chúng sinh chuyên xưng danh hiệu, chính vì xưng danh dễ dàng, cho nên niệm Phật tương tục, ắt được vãng sinh!”

Lại nữa, Vãng Sinh Yếu Tập có nói: “Hỏi: Tất cả nghiệp lành đều có lợi ích, đều được vãng sinh, vì sao chỉ khuyên xưng danh hiệu Phật? Trả lời: Hiện nay, khuyên khích niệm Phật, không phải là bài trừ tất cả các công hạnh khác, mà chỉ là pháp tu niệm Phật, bất luận nam, nữ, sang, hèn, bất luận lúc đi, đứng, nằm, ngồi, bất luận thời gian, nơi chốn, cảnh duyên, tu tập đều dễ dàng; nhấn đến khi lâm chung, nguyện cầu vãng sinh, không có pháp tu nào tiện lợi hơn pháp niệm Phật!”

Nên biết, công hạnh niệm Phật dễ dàng, cho nên ai cũng có thể tu tập, còn các công hạnh khác không dễ dàng, không chắc ai cũng tu tập được. Phải chăng Đức Phật A Di Đà muốn cho tất cả chúng sinh được bình đẳng vãng sinh, cho nên mới dùng “bỏ khó lấy dễ” làm bốn nguyện!?

Nếu như dùng “đúc tượng lập chùa” làm bốn nguyện, thì những người bàn cùng khôn khổ ắt sẽ tuyệt phận, vả lại, người giàu thì ít mà kẻ nghèo thì rất nhiều.

Nếu như dùng “trí tuệ tài cao” làm bốn nguyện, thì những người ngu độn, thiếu trí tuệ ắt sẽ tuyệt phận, vả lại, người trí thì ít mà kẻ ngu thì rất nhiều.

Nếu như dùng “học rộng nghe nhiều” làm bốn nguyện, thì những người ít học ít nghe sẽ tuyệt phận, vả lại, người học rộng thì ít mà kẻ ít học thì rất nhiều.

Nếu như dùng “nghiêm trì giới luật” làm bốn nguyện, thì những người phá giới hoặc không có giới sẽ tuyệt phận, vả lại, người trì giới thì ít mà kẻ phá giới thì rất nhiều.

Còn những công hạnh khác, chuẩn theo đây sẽ rõ. Nên biết, nếu dùng những công hạnh trên làm bốn nguyện vãng sinh, thì số người được vãng sinh sẽ rất ít, còn số người không được vãng sinh sẽ rất nhiều.

Thế nhưng, tiền thân của Đức A Di Đà là tỳ kheo Pháp Tạng, ôm lòng từ bi bình đẳng, vì muốn độ thoát tất cả chúng sinh, quyết chắc sẽ không dùng các công hạnh như xây chùa lập tháp, v.v..., làm bốn nguyện vãng sinh, mà chỉ dùng một hạnh “xưng danh niệm Phật” làm công hạnh vãng sinh. Điều này, ngài Pháp Chiếu trong quyển Ngũ Hội Pháp Sự Tán có nói:

Phật ấy, đời trước lập thế lớn,
Nghe tên, tưởng nhớ, đều đến rước,
Không phân nghèo khó, hoặc giàu sang,
Không phân kẻ ngu, người trí tuệ,
Không phân học rộng, hoặc trì giới,
Không phân phá giới, tội chướng sâu,
Chỉ cần hồi tâm, siêng niệm Phật,
Có thể làm đá hóa ra vàng!

Hỏi: Tất cả Bồ tát lập thế nguyện, hoặc có người đã thành tựu, hoặc có người chưa thành tựu, không rõ bốn mươi tám nguyện của ngài Bồ tát Pháp Tạng đã thành tựu hay chưa?

Trả lời: Mỗi nguyện của Bồ tát Pháp Tạng đều đã thành tựu. Vì sao? Cõi nước Cực Lạc không có ba đường ác, như vậy thế nguyện “cõi nước không có ba đường ác” đã được thành tựu. Vì sao biết được? Bởi vì lời nguyện của Đức A Di Đà có nói: “Không có ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh”. Lại nữa, trời người ở cõi Cực Lạc, sau khi mạng chung, không còn đọa vào ba đường ác, như vậy lời nguyện “không còn đọa vào ba đường ác” đã được thành tựu. Vì sao biết được? Bởi vì lời nguyện của Đức A Di Đà có nói: “Lại nữa, các Bồ tát ở cõi Cực Lạc, nhân đến lúc thành Phật, không còn bị đọa vào ba đường ác”. Lại nữa, trời người ở cõi Cực Lạc, không một ai mà không đầy đủ ba mươi hai tướng, như vậy lời nguyện “đầy đủ ba mươi hai tướng” đã được thành tựu. Vì sao biết được? Bởi vì lời nguyện của Đức A Di Đà có nói: “Chúng sinh sinh về cõi ấy đều được đầy đủ ba mươi hai tướng”. Như vậy, từ lời nguyện đầu “không có ba đường ác”, cho đến lời nguyện cuối “được ba pháp nhân”, tất cả thế nguyện đều đã thành tựu, chẳng lẽ chỉ riêng lời nguyện thứ mười tám “Niệm Phật vãng sinh” lại không thành tựu hay sao? Bởi thế, người tu niệm Phật đều được vãng sinh. Vì sao biết được? Bởi vì, như lời nguyện “Niệm Phật vãng sinh” đã nói: “Nếu có chúng sinh nghe danh hiệu ta, tin tưởng vui mừng, nhân đến một niệm, chí tâm hồi hướng, nguyện sinh Cực Lạc, đều được vãng sinh, đắc bất thoái chuyển”. Bốn mươi tám lời nguyện trang nghiêm tịnh độ, ao sen lầu ngọc, không gì không phải là nguyện lực, tại sao trong đây lại chỉ riêng nghi ngờ thế nguyện “Niệm Phật vãng sinh”? Hơn nữa, mỗi cuối lời nguyện đều có thêm câu “nếu không được như vậy, thế sẽ không giữ ngôi chánh giác”, thế nhưng, Đức A Di Đà thành Phật đã hơn mười kiếp, nếu đã thành Phật, thì mỗi điều thế nguyện ắt không phải là hư dối! Ngài Thiện Đạo có nói: “Đức A Di Đà, hiện tại thành Phật, cho nên biết bốn nguyện của Ngài nhất định không hư dối, chúng sinh xưng niệm danh hiệu, ắt được vãng sinh”.

Hỏi: Kinh nói “mười niệm”, Thích Tịnh Độ Quán Nghi Luận nói “mười tiếng (Hán: thập thanh)”, ý nghĩa của niệm và tiếng khác nhau thế nào?

Trả lời: Niệm và tiếng cùng một ý nghĩa. Tại sao biết được? Phần hạ phẩm hạ sinh trong Quán Kinh nói: “Âm thanh không dứt, đầy đủ mười niệm, xưng “Nam mô A Di Đà Phật”, do vì xưng danh hiệu Phật, trong mỗi niệm đều trừ diệt tám mươi ức kiếp nghiệp tội sinh tử.” Ý vào đoạn kinh này, tiếng tức là niệm, niệm tức là tiếng, ý nghĩa rõ ràng như thế! Hơn nữa, Đại Tập Nguyệt Tạng Kinh có nói: “Niệm lớn thấy Phật lớn, niệm nhỏ thấy Phật nhỏ”, cho nên biết rằng niệm tức là xưng lên âm thanh.

Hỏi: Kinh nói “cho đến (Hán: nãi chí)”, Thích Tịnh Độ Quán Nghi Luận nói “ít nhất (Hán: hạ chí)”, ý nghĩa ra sao?

Trả lời: Cho đến và ít nhất, ý nghĩa giống nhau. Kinh nói “cho đến”, là “từ nhiều đến ít”, nhiều là “cho đến trọn đời”, ít là “ít nhất là mười niệm”, còn Thích Tịnh Độ Quán Nghi nói “ít nhất”, là “từ dưới lên trên”, dưới là “ít nhất là mười niệm”, trên là “cho đến trọn đời”. Những trường hợp “trên dưới tương đối” không phải là ít, như lời nguyện “túc mạng thông” nói: “Nếu tôi thành Phật, người trời trong nước, nếu như không có túc mạng thông, ít nhất, nếu không biết sự việc của trăm ngàn ức na do tha kiếp quá khứ, tôi nguyện không giữ ngôi Chánh giác”, tương tự, các lời nguyện “năm thân thông”, cho đến những lời nguyện về quang minh, thọ mạng, đều có chữ “ít nhất”, tức là đều có nghĩa “từ nhiều đến ít”, “từ dưới lên trên” cả. Tương tự như tám lời nguyện vừa đề cập ở trên, nay trong lời nguyện thứ mười tám này, “cho đến” cũng tức là “ít nhất”, bởi thế, ngài Thiện Đạo giải thích chữ “ít nhất”, ý nghĩa không có sự trái nghịch. Thế nhưng, sự giải thích của ngài Thiện Đạo và các nhà chú giải khác có sự bất đồng. Các nhà chú giải gọi lời nguyện thứ mười tám là “nguyện mười niệm vãng sinh”, chỉ có ngài Thiện Đạo gọi là “nguyện Niệm Phật vãng sinh”. Các nhà chú giải gọi là “nguyện mười niệm vãng sinh”, ý nghĩa không được châu toàn, bởi vì, trên thì bỏ đi điều kiện “cho đến trọn đời”, dưới thì bỏ đi điều kiện “ít nhất là một niệm”; còn như ngài Thiện Đạo gọi là “nguyện Niệm Phật vãng sinh”, ý nghĩa này mới châu toàn, vì trên bao gồm “cho đến trọn đời”, dưới thì trọn cả “ít nhất là một niệm”.

Chương Bốn

Ba Hạng Người

Ba hạng người niệm Phật vãng sanh.

Vô Lượng Thọ Kinh quyền hạ nói: “Đức Phật bảo ngài A Nan: Các hàng trời người trong mười phương, có tâm chí thành muốn sinh cõi ấy, phân làm ba bậc.

a/ Bậc thượng: là hạng bỏ nhà lìa dục, tu hạnh sa môn, phát Bồ đề tâm, một lòng chuyên niệm A Di Đà Phật, tu các công đức nguyện sanh Cực Lạc. Những chúng sinh ấy, đến lúc lâm chung, Đức Phật A Di Đà cùng các thánh chúng hiện ra trước mặt, trong khoảng sát na liền theo Đức Phật vãng sanh Cực Lạc, tự nhiên hóa sanh trong ao bảy báu, đắc bất thoái chuyển, trí tuệ dũng mãnh, thần thông tự tại. Bởi thế, này A Nan, nếu có chúng sinh, muốn trong hiện đời, thấy được Đức Phật A Di Đà, phải nên phát tâm vô thượng Bồ đề, tu hành công đức, nguyện sanh Cực Lạc.

b/ Bậc trung: là những chúng sanh trong mười phương thế giới, hết lòng muốn sinh về cõi Cực Lạc, tuy không thể tu hạnh sa môn, nhưng tu tập nhiều công đức lớn, phải nên phát Bồ đề tâm, một lòng chuyên niệm A Di Đà Phật, tùy sức mình mà tu tập các hạnh lành, phụng trì trai giới, xây chùa lập tháp, cúng dường chư tăng, treo phướn, thắp đèn, rải hoa, đem những công đức này hồi hướng, nguyện sanh Cực Lạc. Người ấy lúc lâm chung, hóa thân của Đức A Di Đà, đầy đủ quang minh tướng hảo như Đức Phật thật, cùng các thánh chúng hiện ra ở trước, người ấy trong khoảng sát na liền theo hóa Phật vãng sanh Cực Lạc, đắc bất thoái chuyển, công đức trí tuệ kém hơn bậc thượng.

c/ Bậc hạ: là những chúng sinh mười phương, có lòng chí thành, muốn sinh Cực Lạc. Giả sử không thể tu tập các công đức, cũng phải nên phát tâm Vô thượng Bồ đề, một lòng chuyên niệm Phật A Di Đà, dù chỉ mười niệm, nguyện sanh Cực Lạc. Nếu nghe Phật pháp thâm sâu, hoan hỷ tin ưa, tâm không nghi ngờ, dù là một niệm, niệm Phật A Di Đà, nguyện sanh Cực Lạc, người ấy lúc lâm chung, mộng thấy Đức A Di Đà, liền được vãng sanh, công đức trí tuệ kém hơn bậc trung.

Xin hỏi: Trong phần bậc thượng, ngoài sự niệm Phật, còn phải làm các công hạnh như bỏ nhà, lìa dục, v.v...; bậc trung lại phải làm các công hạnh như xây chùa, đúc tượng, v.v...; bậc hạ cũng phải có các công hạnh như phát Bồ đề tâm, v.v.. , vì sao ở đây chỉ nói Niệm Phật vãng sinh?

- Quán Niệm Pháp Môn của Hòa Thượng Thiện Đạo nói: “Vô Lượng Thọ Kinh quyển hạ có nói: Phật nói căn tính của tất cả chúng sinh đều khác nhau, có ba bậc thượng, trung, hạ. Đức Phật tùy theo căn tính của họ, đều khuyên chuyên tâm xưng niệm danh hiệu Phật A Di Đà. Những người ấy, đến lúc lâm chung, Đức A Di Đà và thánh chúng đồng đến tiếp dẫn, đều được vãng sinh.” Y vào ý nghĩa này, có thể nói ba bậc thượng trung hạ đều Niệm Phật vãng sinh.

Hỏi: Trả lời như vậy vẫn chưa thỏa đáng. Tại sao bỏ tất cả công hạnh, chỉ riêng nói Niệm Phật?

Trả lời: Ở đây có ba ý nghĩa, (1) vì muốn phớt bỏ các công hạnh để quy hướng Niệm Phật cho nên nói đến các công hạnh, (2) vì muốn trợ thành công hạnh Niệm Phật cho nên nói đến các công hạnh, (3) vì hai môn (a) Niệm Phật và (b) Tu các công hạnh, mỗi môn đều có ba phẩm, nên nói đến sự tu tập các công hạnh.

(1) “Vì muốn phớt bỏ các công hạnh để quy hướng Niệm Phật”, cho nên nói đến các công hạnh: Ở đây chúng ta y theo Quán Kinh Sớ của ngài Thiện Đạo: “Phần trên tuy nói sự lợi ích của hai môn, Tán môn và Định môn, nếu như xét bốn nguyện của Phật A Di Đà, là muốn chúng sinh một lòng chuyên xưng danh hiệu của Ngài”, mà giải thích. Trong phần bậc thượng, tuy nói đến các công hạnh khác như phát Bồ đề tâm, v.v..., nếu xét thâm ý của bốn nguyện, chỉ là muốn chúng sinh chuyên xưng danh hiệu của Đức A Di Đà, mà trong bốn nguyện cũng không nói đến hạnh nào khác. Ba bậc đều y vào bốn nguyện trên, cho nên nói: “**một lòng chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ**”, ví như bên Thiên Trúc có ba loại chùa, một là chùa chuyên tu Đại thừa, trong đó không có người tu học Tiểu thừa, hai là chùa chuyên tu Tiểu thừa, trong đó không có người tu học Đại thừa, ba là chùa kiêm tu Đại thừa và Tiểu thừa, trong đây mọi người đều tu học cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa, cho nên gọi là kiêm tu. Nên biết, các chùa chuyên tu Đại thừa hoặc Tiểu thừa, có thể gọi là một lòng (Hán: nhất hướng), còn chùa kiêm tu thì không thể gọi là một lòng; nếu y theo ví dụ về chùa ở Ấn Độ vừa nói, những hành giả tu các công hạnh, có thể gọi là kiêm tu. Nếu đã nói “một lòng”, thì không tu các hạnh khác, điều này quả thật rõ ràng. Tuy trước đó nói đến các công hạnh, nhưng sau lại nói “một lòng chuyên niệm”, điều này rõ ràng là muốn hành giả phớt bỏ các công hạnh khác để Niệm Phật, cho nên mới nói “một lòng”, nếu không, chữ “một lòng” làm sao có thể giải thích cho thông!

(2) “**Vì muốn trợ thành công hạnh Niệm Phật**”, cho nên nói đến các công hạnh: Ở đây cũng có hai nghĩa, (a) một là dùng thiện căn cùng loại trợ thành công hạnh Niệm Phật, (b) hai là dùng thiện căn khác loại trợ thành công hạnh Niệm Phật.

a/ Dùng thiện căn cùng loại trợ thành: Thiện Đạo Hòa Thượng trong Quán Kinh Sớ đưa ra năm loại công hạnh trợ thành công hạnh Niệm Phật, phía trên trong phần hai hạnh chánh tạp đã nói đầy đủ.

b/ Dùng thiện căn khác loại để trợ thành: Trước tiên, đối với bậc thượng bàn luận công hạnh chánh và phụ. “Một lòng chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ” tức là hạnh chánh, mà cũng là “chỗ được trợ giúp (Hán: sở trợ)”, còn các công hạnh khác như bỏ nhà, lìa dục, tu hạnh sa môn, phát Bồ đề tâm, v.v..., là hạnh phụ, mà cũng là “chỗ trợ giúp (Hán: năng trợ)”, đây có nghĩa rằng Niệm Phật là căn bản cho hành nghiệp vãng sinh, cho nên “vì muốn một lòng Niệm Phật”, cho nên mới bỏ nhà, lìa dục, tu hạnh sa môn, lại còn phát Bồ đề tâm, v.v... Trong đây, những việc xuất gia, phát tâm, v.v..., là chỉ lúc mới xuất gia, hoặc mới phát tâm, còn Niệm Phật là công hạnh lâu dài không thoái thất, chẳng lẽ, các công hạnh khác lại chướng ngại công hạnh Niệm Phật! Đối với bậc trung, các công hạnh như xây chùa, đúc tượng, treo phướn, thắp đèn, rải hoa, đốt hương, v.v..., cũng đều là để trợ thành công hạnh Niệm Phật. Ý chỉ này có thể tìm thấy trong Vãng Sanh Yếu Tập, nghĩa là các công hạnh cúng dường, xây chùa, đúc tượng, v.v..., đều là những phương tiện trợ thành công hạnh Niệm Phật. Đối với hành giả bậc hạ, cũng có sự phát tâm, có sự niệm Phật, chiếu theo phần trên sẽ rõ.

(3) “Vì hai môn Niệm Phật và tu tập các công hạnh, mỗi môn đều có ba phẩm”, cho nên nói đến sự tu tập các công hạnh: Trước tiên, nói đến ba phẩm của môn Niệm Phật, trong kinh đối với ba bậc hành giả đều nói: “một lòng chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ”, đây tức là môn Niệm Phật thiết lập ba phẩm, bởi thế, phẩm Niệm Phật Chứng Cứ Môn của Vãng Sanh Yếu Tập có nói: “Trong kinh Vô

Lượng Thọ, hành nghiệp của ba bậc tuy có sự sâu cạn khác nhau, nhưng tựu trung phải một lòng chuyên niệm Vô Lượng Thọ Phật”; kể đến, nói ba phẩm của môn “tụ tập các công hạnh”, nghĩa là ba bậc đều có các công hạnh như phát Bồ đề tâm, v.v., đây là từ sự tụ tập các công hạnh mà lập ba phẩm. Bởi thế, phẩm Chư Hành Vãng Sinh Môn của Vãng Sinh Yếu Tập có nói: “Ba bậc của kinh Vô Lượng Thọ không ra ngoài phạm vi của những công hạnh này.”

Như vậy, ba ý nghĩa vừa nêu trên, tuy có sự khác biệt, thế nhưng mục đích đều là vì sự việc “một lòng Niệm Phật” mà thiết lập. Ý nghĩa đầu tức là “vì phước bỏ, xác lập mà nói”, nghĩa là nói các công hạnh để phước bỏ các công hạnh, nói Niệm Phật để xác lập Niệm Phật; ý nghĩa kế là “vì muốn trợ thành mà nói”, nghĩa là vì muốn trợ thành chánh nghiệp Niệm Phật, cho nên nói đến các nghiệp phụ là sự tụ tập các công hạnh; ý nghĩa cuối là “vì nghĩa chánh, phụ mà nói”, nghĩa là tuy nói hai môn, môn Niệm Phật và môn tụ tập các công hạnh, nhưng Niệm Phật là chánh, còn tụ tập các công hạnh là phụ. Bởi thế nên nói: “Ba bậc đều phải niệm Phật”.

Trong ba ý nghĩa vừa nói, nghĩa cuối (Niệm Phật là hạnh chánh, các công hạnh khác là hạnh phụ) rất khó quyết đoán, kính thỉnh chư vị học giả tùy ý mình quyết định. Hiện nay, theo ý của ngài Thiện Đạo, thì ý nghĩa đầu (Vì muốn phước bỏ sự tụ tập các công hạnh khác) là chính xác.

Hỏi: Hành nghiệp của ba bậc đều nói Niệm Phật, ý nghĩa này đã rõ ràng. Thế nhưng, chín phẩm trong Quán Kinh và ba bậc của Vô Lượng Thọ Kinh, vốn chỉ là sự khai hợp khác nhau, nếu vậy, tại sao ba bậc trong Vô Lượng Thọ Kinh đều nói đến Niệm Phật, còn trong Quán Kinh, hai phẩm thượng, trung không nói đến Niệm Phật, mà chỉ có hạ phẩm mới nói đến?

Trả lời: Điều này có hai nghĩa.

a/ Như phần đầu của câu hỏi nói ba bậc của Vô Lượng Thọ Kinh và chín phẩm của Quán Kinh chỉ là sự khai hợp khác biệt, do đây mà biết trong chín phẩm của Quán Kinh có thể cũng có sự Niệm Phật. Vì sao mà biết? Ba bậc đều có sự Niệm Phật, thì chín phẩm làm sao lại không có? Vãng Sinh Yếu Tập nói: “Hỏi: Công hạnh Niệm Phật được nhiếp vào phẩm nào của Quán Kinh? Trả lời: Nếu nói về công hạnh, đúng lý, Niệm Phật phải được nhiếp vào phẩm thượng thượng, thế nhưng, tùy vào sự Niệm Phật thẳng hay liệt mà chia làm chín phẩm. Thế nhưng, Quán Kinh khi nói về hành nghiệp của chín phẩm, chỉ là đề cập đến một phần nhỏ, đúng lý, hành nghiệp (công hạnh) là vô lượng.” Cho nên biết rằng Niệm Phật là chung cho cả chín phẩm.

b/ Bản ý của Quán Kinh là trước tiên nói rộng về các công hạnh định và tán, để thích ứng với tất cả căn cơ của chúng sinh, sau đó phước bỏ các công hạnh này, để quy hướng về một hạnh Niệm Phật, chẳng hạn, như Kinh nói: “Ông phải khéo thọ trì Kinh này”, v.v... Ý nghĩa này, phần dưới sẽ nói đầy đủ, bởi thế, biết rằng “công hạnh của chín phẩm, chỉ là Niệm Phật”.

Năm phiền não độn sử, tức là tham, sân, si, mạn và nghi; năm phiền não lợi sử, tức là thân kiến, biên kiến, tà kiến, thủ kiến và giới cấm thủ.